

Tác động cấu trúc sở hữu đến tỷ lệ an toàn vốn theo Basel của ngân hàng thương mại tại Việt Nam: Tiếp cận bằng phương pháp Bayes

The impact of ownership structure on capital adequacy ratio according to Basel in commercial banks in Vietnam: A Bayesian approach

Lê Hữu Nghĩa^{1*}, Lê Phan Thị Diệu Thảo²,

¹Trường Đại học Kinh tế Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

² Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: nghĩa.huule@yahoo.com

THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
econ.vi.20.9.4032.2025

Ngày nhận: 16/02/2025

Ngày nhận lại: 11/05/2025

Duyệt đăng: 26/05/2025

Mã phân loại JEL:

G21; G28

TÓM TẮT

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy xác suất thông qua phương pháp Bayes trên mẫu chọn là 26 Ngân Hàng Thương Mại (NHTM) tại Việt Nam trong giai đoạn 2014 đến 2023, kết quả của nghiên cứu cho thấy đối với ngưỡng sở hữu cổ phần do nhà nước nắm giữ từ 5% trở lên có tác động tiêu cực với tỷ lệ an toàn vốn. Đồng thời, các biến kiểm soát như quy mô ngân hàng, tính chất đòn bẩy tài chính, tính thanh khoản, khả năng sinh lời thông qua hiệu quả quản lý chi phí cũng có tác động tiêu cực đến CAR. Ngược lại, tỷ lệ an toàn vốn năm trước, tương tác giữa cấu trúc vốn với đòn bẩy và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ lại có tác động tích cực đến CAR. Từ đây, nghiên cứu khuyến nghị một số hàm ý chính sách có liên quan cho cơ quan quản lý có thẩm quyền, chính sách điều hành, quản lý của NHTM có cổ đông sở hữu nhà nước nắm giữ cổ phần với các ngưỡng biểu quyết trọng yếu trong NHTM, các NHTM còn lại nhằm đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn, đặc biệt trong bối cảnh khuyến khích sự đóng góp của kinh tế tư nhân và đẩy mạnh việc thoái vốn nhà nước nhằm tập trung đầu tư công có hiệu quả.

ABSTRACT

This research employs a probabilistic regression model using the Bayesian method on a sample of 26 commercial banks in Vietnam from 2014 to 2023. The results indicate that the ownership threshold of shares held by the government (5% and above) negatively affects the Capital Adequacy Ratio (CAR). Additionally, control variables such as bank size, financial leverage, liquidity, and profitability through cost management efficiency also have a significant impact on CAR. In contrast, the previous year's capital adequacy ratio, the interaction between capital structure and leverage, and return on equity have a positive effect on CAR. The study's results yield several policy recommendations for the relevant regulatory authorities. These include rules on how to manage and govern banks where state-owned shareholders hold a significant number of voting shares in commercial banks, as well as rules for other commercial banks that must meet the capital adequacy ratio. This is particularly crucial in the context of promoting private sector contributions and accelerating the divestment of state-owned capital to focus on effective public investment.

Từ khóa:

Basel; Bayes; cấu trúc sở hữu; ngân hàng thương mại; tỷ lệ an toàn vốn;

Keywords:

Basel; Bayes; ownership structure; commercial bank; capital adequacy ratio

Keywords:

national identity; red tourism;
travel motivation;
transformative experience; Ho
Chi Minh City; generation Z

insight. As a modern metropolis rich in revolutionary heritage, Ho Chi Minh City provides an ideal setting to examine the cognitive and emotional impact of red tourism. The study contributes to a deeper understanding of how emotional experiences shape national identity among younger generations. Additionally, it proposes directions for developing tourism products tailored to the psychological and social characteristics of Gen Z.

1. Bối cảnh nghiên cứu

Trong bối cảnh kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975 - 30/04/2025), việc tái khẳng định và truyền tải các giá trị lịch sử - cách mạng trở thành một nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục thế hệ trẻ. Tại Việt Nam, du lịch cách mạng đang được thúc đẩy như một công cụ hiệu quả để gìn giữ ký ức dân tộc, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, và xây dựng bản sắc quốc gia trong thời kỳ hội nhập (Liu & ctg., 2021; Zhou & ctg., 2025).

Du lịch cách mạng không chỉ đơn thuần là hoạt động tham quan các di tích cách mạng mà còn là trải nghiệm cảm xúc, nơi cá nhân tái kết nối với lịch sử thông qua các hình thức thể hiện “nghi lễ yêu nước” như tưởng niệm, thăm viếng, và ghi nhớ (Sun & Lv, 2025)

Những trải nghiệm tại các địa điểm như Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh, Địa đạo Củ Chi hay Dinh Độc Lập không chỉ mang tính giáo dục mà còn có thể gây ảnh hưởng lâu dài đến nhận thức và cảm xúc của người tham gia, đặc biệt là thế hệ Gen Z, vốn nổi bật với đặc điểm gắn bó chặt chẽ với công nghệ, đề cao trải nghiệm và giá trị cá nhân (Priporas & ctg., 2017).

Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về du lịch cách mạng tại Trung Quốc, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của trải nghiệm cảm xúc, nhận diện quốc gia và sự hài lòng (Wong & ctg., 2022; Zhou & ctg., 2025), nghiên cứu tại Việt Nam, đặc biệt là với nhóm du khách trẻ trong nước, vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh này, thế hệ Gen Z tại TP.HCM trở thành nhóm đối tượng đặc biệt phù hợp để khảo sát, bởi lẽ đây là nhóm có trình độ học vấn cao, tiếp cận công nghệ mạnh mẽ, đồng thời sống tại thành phố có nhiều di tích cách mạng quan trọng.

Mặt khác, với sự lan tỏa của truyền thông số, mạng xã hội không chỉ ảnh hưởng đến động lực du lịch mà còn định hình lại cách mà Gen Z tiếp nhận và tái tạo giá trị lịch sử, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi tiêu dùng văn hóa (Hosany & ctg., 2022; Wong & ctg., 2022).

Nghiên cứu này sử dụng khung lý thuyết Push-Pull (Dann, 1977) để khám phá các động lực thúc đẩy Gen Z tại TP.HCM tham gia du lịch cách mạng, trong bối cảnh ngày 30/4 mang ý nghĩa đặc biệt. Thông qua tiếp cận định tính, nghiên cứu tập trung phân tích trải nghiệm cá nhân và sự hình thành bản sắc trong thế hệ trẻ. Hai câu hỏi chính được đặt ra là:

- (1) Những động lực nào thúc đẩy Gen Z tại TP.HCM tham gia du lịch cách mạng nhân dịp lễ 30/4?
- (2) Các trải nghiệm đáng nhớ có ảnh hưởng thế nào đến nhận thức lịch sử và bản sắc dân tộc?

Từ các kết quả này, nghiên cứu cũng hướng đến việc đề xuất các định hướng phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với đặc trưng tâm lý - xã hội của thế hệ trẻ.

nhà nước sở hữu cổ phần ở ngưỡng 5% trở lên trong nghiên cứu này là vì (i) Theo khuyến cáo của BCBS (2010) trong quản trị doanh nghiệp mà đối tượng là ngân hàng; (ii) Theo quy định của pháp luật điều chỉnh các loại hình doanh nghiệp cổ phần ở Việt Nam, cổ đông chỉ cần sở hữu cổ phần từ 5% trở lên sẽ được quyền giám sát và quyết định các vấn đề trọng yếu cơ bản trong hoạt động kinh doanh của NHTM theo quy định hiện hành của pháp luật doanh nghiệp (Quốc Hội, 2020).

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này tập trung vào mức độ tác động của cấu trúc sở hữu đến tỷ lệ an toàn vốn. Theo đó lý thuyết về cấu trúc sở hữu, lý thuyết đại diện được sử dụng để giải thích và đưa ra giả thuyết về mối quan hệ tác động này.

2.1. Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn được tính theo đơn vị phần trăm (%) và được xác định theo công thức.

$$CAR = \frac{\text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2}}{\text{Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng} + 12,5 \text{ (Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động} + \text{Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường)}} \times 100\% \quad (1)$$

Trong đó, các yếu tố như vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối, nợ thứ cấp là các yếu tố hình thành nên cấu phần vốn cấp 1 và vốn cấp 2. Cấu phần tài sản có rủi ro được hình thành từ hệ số rủi ro, giá trị tài sản, dự phòng cụ thể các khoản phải đòi, thu nhập sinh lãi, chi phí hoạt động dịch vụ, ... Khi có sự biến thiên của các cấu phần này sẽ tác động đến sự biến thiên của CAR.

2.2. Lý thuyết cấu trúc sở hữu (*Ownership theory*) và Lý thuyết đại diện (*Agency theory*)

Nghiên cứu về cấu trúc sở hữu, Berle và Means (1932) và Larner (1966) chỉ rõ mối quan hệ hữu cơ giữa mức độ phân tán về sở hữu cổ phần của các cổ đông và quyền lực của nhà quản lý trong doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp có cấu trúc sở hữu tập trung (trên 20%, 10% hoặc 5%), quyền kiểm soát chủ yếu nằm trong tay một hoặc nhóm cổ đông. Những cổ đông này giám sát chặt chẽ hoạt động của nhà quản lý để tối đa hóa lợi nhuận. Họ có quyền lực lớn trong việc ra quyết định và ảnh hưởng mạnh mẽ đến quản lý. Ngược lại, với cổ đông sở hữu dưới ngưỡng kiểm soát (dưới 20%, 10% hoặc 5%), các nhà quản lý ít bị ràng buộc và thường ưu tiên mục tiêu cá nhân hơn là lợi ích của cổ đông.

Lý thuyết đại diện (*Agency theory*) của Jensen và Meckling (1976), có sự phân biệt rõ ràng giữa cơ cấu vốn và cơ cấu sở hữu. Cơ cấu sở hữu hiệu quả, đặc biệt là về quyền kiểm soát và quyền lợi còn lại sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích nhà quản lý đưa ra quyết định có lợi cho chủ sở hữu và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả.

Theo đó, Yang và Morgan (2011) đưa ra giải thích cho lý do cấu trúc sở hữu trong doanh nghiệp do cổ đông nhà nước nắm giữ sẽ làm suy yếu hiệu quả hoạt động là vì chính phủ quan tâm nhiều hơn đến việc quản lý giá cả, việc làm hoặc các tác động bên ngoài hơn là lợi nhuận và khắc phục những thất bại của thị trường liên quan đến các công ty tư nhân cũng như phát sinh chi phí đại diện đáng kể. Ngoài ra, La Porta và cộng sự (1999) nhấn mạnh rằng cần quan tâm chú trọng đến tỉ lệ quyền biểu quyết chứ không đơn thuần chỉ là tỉ lệ thực sở hữu của cổ đông của doanh nghiệp.

Như vậy, cấu phần tính toán CAR với tử số là tổng vốn tự có cấp 1, vốn tự có cấp 2 và mẫu số là tổng tài sản có rủi ro của 03 loại rủi ro trọng yếu trong NHTM (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường). Khi có sự biến thiên của từng cấu phần này sẽ làm cho CAR thay đổi. Cụ thể, các yếu tố như vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối, nợ thứ cấp và hệ số rủi ro, ... là những yếu tố tác động trực tiếp đến sự biến thiên của CAR. Tuy nhiên những

yếu tố này lại bị chi phối bởi quyết định của chủ sở hữu. Do đó, cấu trúc sở hữu cổ phần trong NHTM đặc biệt ở những ngưỡng có quyền biểu quyết quan trọng sẽ có thể tác động đến lợi nhuận và chính sách phân chia cổ tức, từ đó mà tác động đến CAR.

Một số nghiên cứu thực nghiệm về sự tác động của cấu trúc sở hữu tập trung đến CAR trong ngân hàng cho kết quả theo hai chiều tác động khác nhau (cùng chiều (+) và ngược chiều (-)). Shehzad và cộng sự (2010) (+); Zheng và cộng sự (2017) (+). Tuy nhiên, Moudud-UI-Huq và cộng sự (2022) (-). Ngoài ra, tác động cấu trúc sở hữu theo khía cạnh sở hữu chính phủ, sở hữu tư nhân, sở hữu nước ngoài lần lượt lên CAR cũng cho kết quả khác nhau, như Kanga và cộng sự (2020) (-). Trong khi, Duqi và Al-Tamimi (2018) cho kết quả ngược lại Kanga và cộng sự (2020) (+).

Giả thuyết nghiên cứu: Cấu trúc sở hữu cổ phần do cổ đông nhà nước nắm giữ có tác động ngược chiều với CAR.

Bên cạnh yếu tố chính là cấu trúc sở hữu thì một số yếu tố đóng vai trò là biến kiểm soát có thể tác động đến CAR như quy mô tổng tài sản, khả năng sinh lời, tỷ lệ đòn bẩy, tỷ lệ khả năng thanh khoản và mối quan hệ tương tác giữa cấu trúc sở hữu và tỷ lệ đòn bẩy.

Đối với quy mô tổng tài sản, theo Lý thuyết kinh tế theo quy mô (*Economies of Scale*), chi phí sản xuất trung bình giảm khi quy mô sản xuất tăng lên, nhờ sự tối ưu hóa nguồn lực, chuyên môn hóa và hiệu quả hoạt động. Adam Smith đã đề cập đến vấn đề này trong quyển sách *The Wealth of Nations*, xuất bản năm 1776 (Smith, 1776). Và chính ý tưởng này đã đặt nền móng cho lý thuyết kinh tế theo quy mô bằng cách nhấn mạnh vai trò của chuyên môn hóa lao động và phân chia lao động trong việc tăng năng suất và giảm chi phí (Smith, 2024). Sau đó, Alfred Marshall đã mở rộng khái niệm này trong quyển sách do ông viết có tên *Principles of Economics*, xuất bản năm 1890 bằng việc phân biệt rõ giữa kinh tế theo quy mô nội bộ - những lợi ích trong doanh nghiệp như sử dụng công nghệ tiên tiến và kinh tế theo quy mô ngoại vi - những lợi ích từ toàn ngành như sự phát triển của cơ sở hạ tầng (Marshall, 1890). Đối với NHTM, quy mô kinh doanh thể hiện thông qua tổng tài sản, nguồn nhân lực, mạng lưới chi nhánh, ... Lý thuyết kinh tế theo quy mô cho thấy rằng nếu tổng tài sản của ngân hàng lớn đi đôi với việc quản lý tối ưu thì có thể làm gia tăng hiệu quả hoạt động từ đó làm tăng lợi nhuận, giảm chi phí và ngược lại. Điều này, như phân tích ở trên, CAR vì vậy mà có thể bị tác động bởi quy mô tổng tài sản và khả năng sinh lời của NHTM. Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy quy mô tổng tài sản có tác động lên CAR như Duqi và Al-Tamimi (2018), Klein và cộng sự (2021), Moudud-UI-Huq và cộng sự (2022) và cả ba nghiên cứu này đều cho kết quả tương tự nhau về chiều tác động, cụ thể tổng tài sản tác động ngược chiều đến CAR.

Đối với nghiên cứu thực nghiệm về tác động của khả năng sinh lời, có 02 chỉ số tài chính được lựa chọn để đại diện cho tính chất này trong mối tương quan với CAR, cụ thể là tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động (CIR là chỉ số tài chính đại diện cho hiệu quả quản lý chi phí nhưng nó cũng là chỉ số gián tiếp phản ánh khả năng sinh lời của NHTM, vì chi phí hoạt động thấp hơn sẽ góp phần gia tăng lợi nhuận). Đối với tỷ suất sinh lời trên vốn chủ, mối quan hệ tác động của tỷ suất sinh lời trên vốn chủ ở một số nghiên cứu thực nghiệm cho kết quả tác động cùng chiều, ngược chiều và không có mối quan hệ tác động đến CAR. Chẳng hạn, Le và cộng sự (2021) cho kết quả tác động cùng chiều của ROE lên CAR. Trong khi, Kanga và cộng sự (2020) lại cho kết quả tác động ngược lại. Song, với nghiên cứu của (Tran, 2024), ROE không có mối quan hệ tác động với CAR. Đối với chỉ số CIR, chiều tác động lên CAR cũng theo hai chiều hướng là cùng chiều và ngược chiều trên các mẫu nghiên cứu khác nhau. Nếu như Shehzad và cộng sự (2010) cho kết quả CIR tác động ngược chiều đến CAR thì Klein và cộng sự (2021)

cho kết quả tác động ngược lại. Như vậy, quy mô ngân hàng có thể tác động ngược chiều và khả năng sinh lời có thể tác động cùng chiều ngược chiều hoặc không tác động đến CAR.

Đối với tỷ lệ đòn bẩy tài chính và tỷ lệ khả năng thanh khoản, theo Lý thuyết đánh đổi (*Trade-off theory*) bao gồm lý thuyết đánh đổi động và lý thuyết đánh đổi tĩnh (Cekrezi, 2013). Trong đó, lý thuyết đánh đổi động cho thấy rằng các doanh nghiệp cần quản lý sao cho tỷ lệ đòn bẩy của họ thay đổi trong một phạm vi tối ưu. Như vậy đối với NHTM, việc huy động vốn từ dân cư dưới hình thức nhận tiền gửi (thường gọi là thị trường 1) sau đó sử dụng nguồn vốn này để cấp tín dụng để tìm kiếm thu nhập từ việc chênh lệch lãi suất. Tuy nhiên việc huy động vốn phát sinh chi phí trả lãi tiền gửi, đồng thời liên quan đến chi phí tài trợ cho việc duy trì khả năng thanh toán trong trường hợp NHTM sử dụng đòn cân nợ lớn. Do đó, việc lựa chọn tỷ lệ khả năng thanh khoản, tỷ lệ đòn bẩy sẽ tác động đến chi phí của NHTM và lợi nhuận vì vậy mà cũng bị ảnh hưởng theo. Trong khi lợi nhuận giữ lại là một cấu phần về vốn trong tính toán CAR. Cho nên các biến kiểm soát được chỉ ra có thể tác động lên CAR dựa trên lý thuyết này. Một số nghiên cứu thực nghiệm thể hiện mối quan hệ tác động của tỷ lệ đòn bẩy đến CAR như Klein và cộng sự (2021) cho kết quả tỷ lệ đòn bẩy tác động ngược chiều đến CAR. Kết quả nghiên cứu khác của Le và cộng sự (2022); Usman và Lestari (2019) cũng cho kết quả tác động tương tự. Về tác động của khả năng thanh khoản đến CAR, Klein và cộng sự (2021) cho kết quả trái ngược với Bishnu (2020). Cụ thể, Klein và cộng sự (2021) cho kết quả khả năng thanh khoản tác động ngược chiều đến CAR. Như vậy, tỷ lệ đòn bẩy và khả năng thanh khoản có thể tác động cùng chiều hoặc ngược chiều đến CAR.

Có thể thấy ngoài lý thuyết đánh đổi là cơ sở để phân tích rằng công ty phải cân nhắc giữa lợi ích thuế (từ việc sử dụng nợ) và chi phí phá sản hoặc chi phí xử lý thanh khoản khi sử dụng quá nhiều nợ để nói về vai trò của đòn bẩy tài chính thì lý thuyết M & M của Modigliani và Miller (1958) trong một thị trường hoàn hảo (không có thuế, chi phí giao dịch, thông tin hoàn hảo), việc sử dụng nợ không ảnh hưởng đến giá trị của công ty. Tuy nhiên, khi có sự hiện diện của thuế, việc sử dụng nợ có thể tạo ra lợi ích thuế, dẫn đến việc tối ưu hóa tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn để giảm thuế và gia tăng giá trị công ty. Phân tích sâu hơn để thấy được tính điều tiết của cấu trúc sở hữu đối với tỷ lệ đòn bẩy có thể dựa vào tính hai chiều của việc sử dụng đòn bẩy tài chính. Sử dụng đòn bẩy tài chính có thể làm tăng khả năng sinh lời khi giá trị nợ phải trả mang lại lợi ích cao hơn chi phí đi vay. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, đòn bẩy tài chính cũng làm tăng rủi ro nếu NHTM không thể duy trì lợi nhuận đủ lớn để trả nợ, điều này có thể gây ra áp lực về thanh toán, từ đó ảnh hưởng đến khả năng hoạt động. Song song đó, việc lựa chọn tỷ lệ đòn bẩy tối ưu phụ thuộc vào khẩu vị rủi ro của những người có quyền chi phối chiến lược phát triển của NHTM mà ở đây là cấu trúc sở hữu.

Trong các nghiên cứu thực nghiệm liên quan, biến tương tác với cấu trúc sở hữu được lựa chọn đưa vào mô hình hồi quy có nhiều loại, tùy thuộc vào đặc trưng của hệ thống ngân hàng và sự phát triển kinh tế của quốc gia trong mẫu nghiên cứu. Chẳng hạn, biến tương tác với biến cấu trúc sở hữu trong nghiên cứu của Klein và cộng sự (2021) là biến giám sát của cơ quan có thẩm quyền thông qua ba biến số là chỉ số giám sát, tỷ lệ tiền gửi liên ngân hàng so với tổng tiền gửi và ngân hàng có tầm quan trọng đối với hệ thống nhằm xem xét mức tác động của mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố bên ngoài của cơ quan giám sát với cấu trúc sở hữu. Hay là để xem xét sự tương tác giữa đại dịch Covid-19 với từng loại hình trong cấu trúc sở hữu của ngân hàng tác động như thế nào đến CAR, Moudud-UI-Huq và cộng sự (2022) chọn biến giả Covid-19 tương tác với biến cấu trúc sở hữu. Tương tự, Chalermchatvichien và cộng sự (2014) cũng sử dụng biến giả cho biến khủng hoảng tài chính trong giai đoạn 2008 - 2009 tương tác với biến cấu trúc sở hữu để xem xét mối quan hệ tác động này lên CAR của các ngân hàng thuộc 09 quốc gia trong mẫu nghiên cứu. Việt Nam là một trong những quốc

gia thuộc nền kinh tế mới nổi ở Châu Á, do đó sức mạnh về vốn tự có của hệ thống ngân hàng còn hạn chế so với các quốc gia phát triển khác trên thế giới. Và đó cũng là tính cần thiết cho việc nghiên cứu việc sử dụng đòn bẩy tương thích với cấu trúc sở hữu của mỗi NHTM nói riêng và của hệ thống ngân hàng nói chung tác động như thế nào đến CAR. Do đó, tương tác giữa cấu trúc sở hữu và tỷ lệ đòn bẩy có thể tác động cùng chiều với CAR.

Ngoài ra, trong lĩnh vực kinh tế, một số học giả kinh tế học cho rằng các biến số về kinh tế thường có tác động trễ theo thời gian, đặc biệt là các biến số liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ (Dupor, 2023; Friedman, 1992; Mankiw, 2022). Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy CAR vốn năm trước có tác động đến CAR năm sau. Kanga và cộng sự (2020) cho kết quả tác động ngược chiều. Trong khi, Duqi và Al-Tamimi (2018), Klein và cộng sự (2021), Duqi và Al-Tamimi (2018) và Moudud-UI-Huq và cộng sự (2022) đều cho kết quả tác động cùng chiều. Vì vậy, biến số CAR năm trước có thể tác động cùng chiều đến CAR năm sau.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu đã sử dụng dữ liệu được thu thập từ 26 NHTM Việt Nam bao gồm 23 NHTM cổ phần và 03 NHTM nhà nước trong đó loại trừ các NHTM trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu như CBBank, OceanBank, GPBank và Agribank. Nguồn của dữ liệu sơ cấp được thu thập từ hệ thống dữ liệu FinnPro, các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và thông tin công bố trên phương tiện đại chúng của các NHTM. Cơ sở để lựa chọn 26 NHTM Việt Nam trong nghiên cứu này: tính quy mô, vị thế về thị phần, tuân thủ quy định của NHNN và áp dụng các tiêu chuẩn về quản lý rủi ro tiệm cận với chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, tính minh bạch, đầy đủ, đáng tin cậy và yếu tố cập nhật, công bố thông tin từ các NH này là đảm bảo cho việc thu thập dữ liệu nghiên cứu.

3.2. Đo lường biến số

3.2.1. Đối với biến CAR

Tỷ lệ an toàn vốn ký hiệu là CAR được tính bằng vốn tự có theo quy định chia cho lượng tài sản có rủi ro.

3.2.2. Đối với biến cấu trúc sở hữu

Biến cấu trúc sở hữu là biến giả, ký hiệu là OW5, trong đó NHTM nào có tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 5% trở lên được đánh 1, còn lại đánh 0.

3.2.3. Các biến kiểm soát

Biến trễ 01 kỳ (năm) của tỷ lệ an toàn vốn hiện hành ký hiệu là LAGCAR được tính bằng giá trị vốn tự có theo quy định chia cho lượng tài sản có rủi ro liền trước 01 năm so với năm hiện hành. Biến tương tác giữa cấu trúc sở hữu và cấu trúc vốn được ký hiệu là OW5_LEV và được tính bằng tích số giữa giá trị biến cấu trúc sở hữu với giá trị biến đòn bẩy tài chính. Biến quy mô ngân hàng được tính bằng logarit tự nhiên của giá trị tổng tài sản. Biến khả năng sinh lời bao gồm biến tỷ suất sinh lời trên vốn chủ, ký hiệu ROE được tính thương số của lợi nhuận sau thuế với vốn chủ sở hữu và hiệu quả hoạt động, ký hiệu CIR được tính bằng thương số giữa chi phí hoạt động với tổng thu nhập hoạt động. Biến đòn bẩy tài chính ký hiệu LEV được tính bằng thương số giữa nợ phải trả với vốn chủ sở hữu. Cuối cùng, biến tỷ lệ tài sản thanh khoản ký hiệu LIQ được tính bằng thương số giữa giá trị tiền và các khoản tương đương tiền với tổng tài sản.

Các biến sử dụng trong mô hình hồi quy được tóm tắt theo Bảng 1 (Phụ lục - bản online).

3.2. Mô hình và phương pháp ước lượng

Để đo lường tác động của của cấu trúc sở hữu do nhà nước nắm giữ cổ phần ở các ngưỡng 5%, trở lên đối với CAR tại NHTM Việt Nam, nghiên cứu này sử dụng 02 mô hình hồi quy đa biến như sau:

$$\text{Mô hình 1: } CAR_{i,t} = \beta_{02} + \beta_{21}LAGCAR + \beta_{22}OW5_{i,t} + \beta_{23}OW5_LEV_{i,t} + \beta_{24}SIZE_{i,t} + \beta_{25}ROE_{i,t} + \beta_{26}LEV_{i,t} + \beta_{27}LIQ_{i,t} + u_{i,t} \quad (2)$$

$$\text{Mô hình 2: } CAR_{i,t} = \beta_{03} + \beta_{31}LAGCAR + \beta_{32}OW5_{i,t} + \beta_{33}OW5_LEV_{i,t} + \beta_{34}SIZE_{i,t} + \beta_{35}CIR_{i,t} + \beta_{36}LEV_{i,t} + \beta_{37}LIQ_{i,t} + v_{i,t} \quad (3)$$

Trong đó $u_{i,t}$, $v_{i,t}$ là sai số ngẫu nhiên. β_{0t} , với $t = 2,3$: hệ số chặn. β_{kj} , với $k = 2,3$, $j = \overline{1,7}$: hệ số ước lượng lần lượt của biến trễ 1 năm CAR, biến cấu trúc sở hữu, biến tương tác giữa cấu trúc sở hữu với cơ cấu vốn, biến quy mô ngân hàng; biến khả năng sinh lời, biến cơ cấu vốn (đòn bẩy), biến khả năng thanh khoản.

3.3. Phương pháp Bayes

Phương pháp Bayes được chọn để phân tích mô hình trong nghiên cứu này bởi những ưu điểm nổi trội và phù hợp như không yêu cầu cỡ mẫu lớn như của phương pháp tần suất, do đó, mở rộng thêm khả năng tiếp cận nhiều lĩnh vực nghiên cứu mà dữ liệu còn hạn chế. Phương pháp Bayes còn làm cho suy luận thống kê trở nên trực diện và linh hoạt hơn. Tuy nhiên để có thông tin tiên nghiệm mang tính tin cậy, trước khi hồi quy bằng phương pháp Bayes, nghiên cứu sẽ thực hiện hồi quy bằng phương pháp SGMM hai bước để lấy các hệ số của thông tin tiên nghiệm.

Ngoài ra, phương pháp Bayes có thể biểu diễn xác suất về ảnh hưởng cùng chiều và ngược chiều của tham số, vì vậy mà phương pháp này cung cấp nhiều thông tin hơn so với phương pháp tần suất truyền thống. Kết quả ước lượng sẽ thể hiện một mật độ xác suất mà các tham số ước lượng có thể xảy ra, được gọi là xác suất hậu nghiệm. Độ lớn xác suất hậu nghiệm sẽ xác định chiều hướng có ảnh hưởng nổi trội hơn của một tham số.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

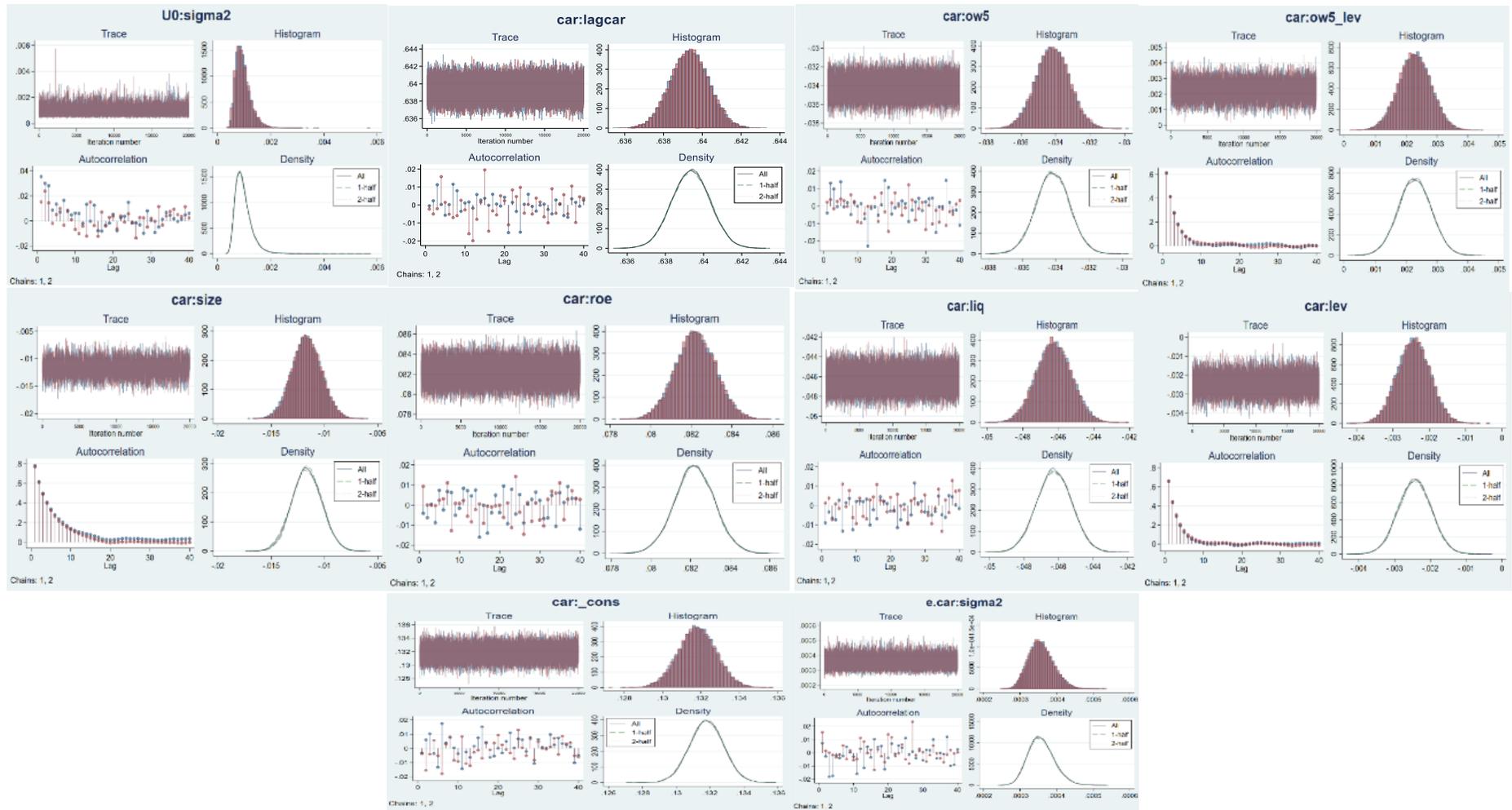
4.1. Kết quả nghiên cứu

Thống kê mô tả và phân tích tương quan biến

Kết quả thống kê cơ bản của biến phụ thuộc và biến độc lập được tổng hợp tại Bảng 2 (Phụ lục - bản online). Trong đó có thể thấy rằng, các chỉ số thống kê liên quan đến các biến số trong mô hình hồi quy có sự phân bố và biến động giá trị giữa các NHTM trong mẫu. Biến CAR có mức độ ổn định cao, nhưng các yếu tố như cấu trúc sở hữu, đòn bẩy tài chính và hiệu quả tài chính có sự khác biệt rõ rệt, tạo ra những biến động tiềm tàng trong an toàn hoạt động của các NHTM.

Ma trận tương quan giữa các biến với các mức ý nghĩa khác nhau được thể hiện ở Bảng 3 (Phụ lục - bản online)

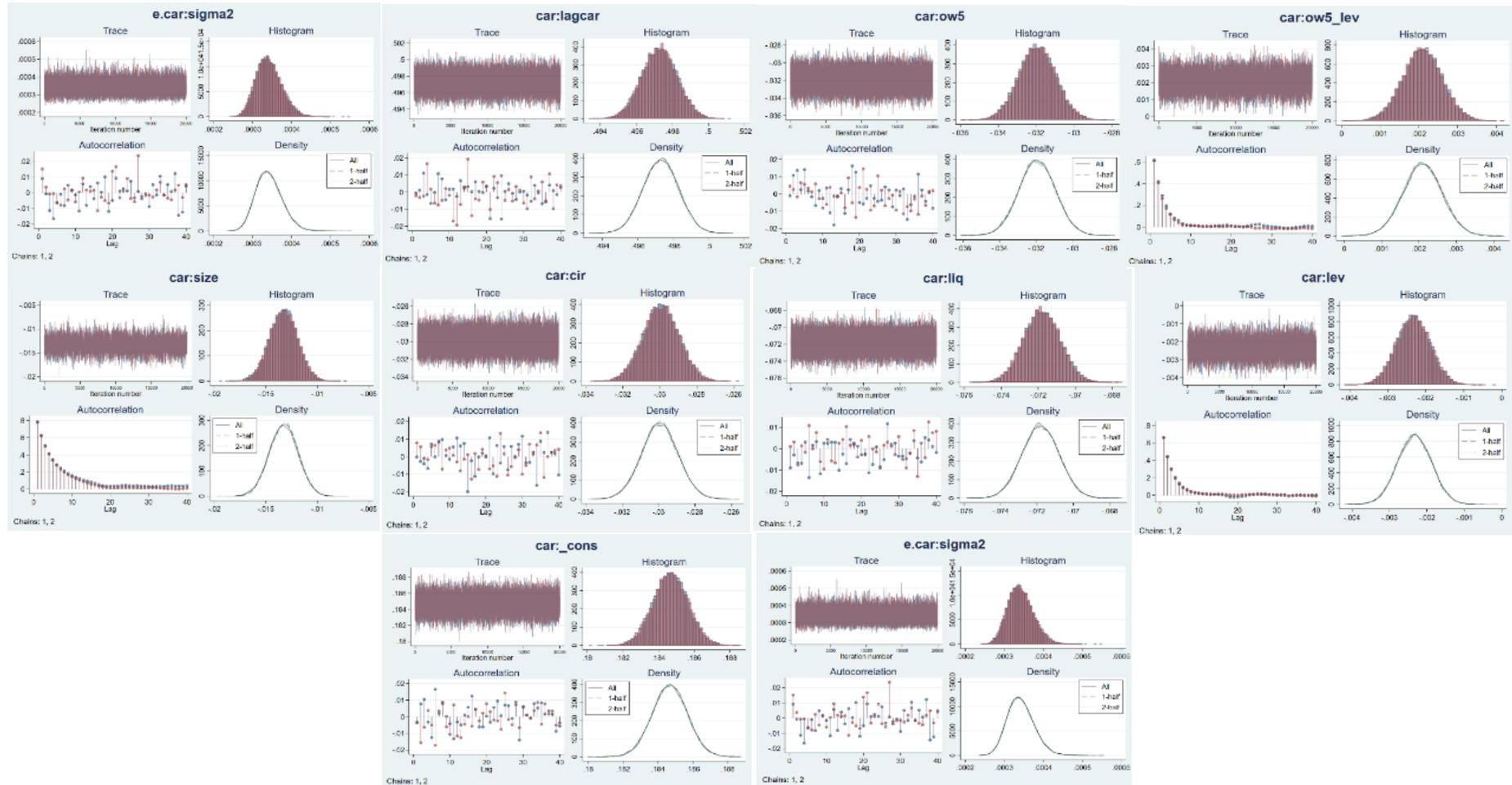
Kết quả hồi quy bằng phương pháp Bayes tác động của cấu trúc sở hữu đến CAR theo Basel của NHTM tại Việt Nam được thể hiện qua Bảng 4 (Phụ lục - bản online) và Bảng 6 (Phụ lục - bản online). Kết quả kiểm định tính hội tụ (trong hồi quy Bayes cần đảm bảo rằng các chuỗi MCMC hội tụ đến giá trị ổn định, từ đó bảo đảm độ chính xác và độ tin cậy của ước lượng tham số trong mô hình Bayes) thông qua đồ thị chuẩn đoán mô phỏng (Trace plots, Histograms, Autocorrelation và Density) và kiểm định Gelman-Rubin lần lượt ở Hình 1, Hình 2 và Bảng 5 (Phụ lục - bản online), Bảng 7 (Phụ lục - bản online).

Hình 1*Đồ Thị Chuẩn Đoán Mô Phỏng Mô Hình 1*

Ghi chú: Tác giả tổng hợp và xử lý từ phần mềm Stata 17

Hình 2

Đồ Thị Chuẩn Đoán Mô Phỏng Mô Hình 3



Ghi chú: Tác giả tổng hợp và xử lý từ phần mềm Stata 17

Như vậy, kết quả cho thấy các biểu đồ Trace plots, Histograms, Autocorrelation và Density ở Hình 1 và Hình 2 cho kết quả tất cả đều có sự phân phối dạng chuông, giá trị tự tương quan (Autocorrelation) rất đều và khá thấp ở các độ trễ xa. Điều này cho thấy các chuỗi đã hội tụ tốt và phù hợp cho việc phân tích. Đồng thời, kết quả ảnh hưởng của tỷ lệ sở hữu cổ phần do cổ đông sở hữu nhà nước từ 5% trở lên (OW5) đến CAR theo Bảng 4 (Phụ lục - bản online) và Bảng 6 (Phụ lục - bản online) có chiều của xác suất ảnh hưởng và hiệu quả cao (gần như đạt 100%). Kết quả của kiểm định Gelman-Rubin đạt ở Bảng 5 (Phụ lục - bản online) và Bảng 7 (Phụ lục - bản online) đều đạt kiểm định chuỗi MCMC hội tụ ổn định (các giá trị R_c đều nhỏ hơn 1.1).

4.2. Thảo luận

Đối với biến cấu trúc sở hữu nhóm các NHTM do cổ đông nhà nước nắm giữa từ 5% (OW5) cổ phần trở lên có tác động ngược chiều đến CAR. Nghĩa là, đối với nhóm các NHTM có sở hữu tư nhân cao hơn nên cổ đông của các nhóm NHTM này có quyền biểu quyết và thông qua việc tăng vốn tự có chủ động và nhanh hơn. Tuy nhiên, do quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam, cổ đông nắm giữ cổ phần từ 5% trở lên có quyền biểu quyết lần phủ quyết một số vấn đề trọng yếu trong điều hành và chiến lược kinh doanh nên chiều tác động của biến cấu trúc sở hữu nhóm các NHTM từ 5% (OW5) cổ phần trở lên có tác động tiêu cực đến CAR là vì chịu ảnh hưởng bởi tính bảo toàn và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng vốn nhà nước mà nhóm cổ đông này có thể hướng đến ủng hộ cho việc phân chia lợi nhuận bằng tiền, quyết định bỏ thêm vốn góp để tăng vốn điều lệ khó khăn hơn so với nhóm cổ đông tư nhân. Ngoài ra, nhóm cổ đông này vì có tính chất sở hữu nhà nước nên vừa phải đáp ứng song song hai mục tiêu, một mặt quan tâm đến lợi nhuận nhưng mặt còn lại vẫn hướng đến mục tiêu hỗ trợ việc điều hành các chính sách của chính phủ đối với nền kinh tế nên lợi nhuận có thể bị hi sinh cho việc đạt được mục tiêu thứ hai này. Kết quả này tương thích với lý thuyết về cấu trúc sở hữu của Berle và Means (1932) và Larner (1966), Yang và Morgan (2011), La Porta và cộng sự (1999) và lý thuyết đại diện của Jensen và Meckling (1976). Bên cạnh đó, kết quả cũng tương thích với kết quả thực nghiệm của Kanga và cộng sự (2020), Moudud-UI-Huq và cộng sự (2022).

Quy mô NHTM ở cả hai mô hình đều có tác động âm và xác suất hậu nghiệm cao. Điều này có nghĩa là khi quy mô của NH tăng lên, CAR có xu hướng giảm. Từ đây có thể thấy các NHTM lớn có thể gặp khó khăn hơn trong việc duy trì CAR cao. Lý giải cho vấn đề này là khi NHTM tăng cho vay làm tăng tổng tài sản nhưng vốn chủ sở hữu không tăng tương ứng, cổ đông sẽ phải đối mặt với rủi ro lớn hơn, làm tăng nguy cơ mất an toàn vốn. Đặc biệt, đặc trưng của hệ thống NHTM tại Việt Nam là việc cấp tín dụng tài trợ cho lĩnh vực BĐS chiếm tỷ trọng khá cao Tran và cộng sự (2023) mà hệ số rủi ro dùng để tính cho loại tài sản có rủi ro này có thể lên đến 200%. Từ đó, giá trị tài sản có rủi ro tín dụng tăng lên làm giảm CAR. Kết quả này phù hợp với lý thuyết kinh tế theo quy mô của Smith (2024) và Marshall (1890).

Khả năng sinh lời bao gồm ROE và CIR đều có xác suất hậu nghiệm cao ở 02 mô hình nhưng tác động lên CAR theo hai hướng khác nhau. Nếu như ROE tác động cùng chiều với CAR thì CIR lại tác động ngược chiều với CAR. Đối với bối cảnh Việt Nam, các kết quả này có thể lần lượt lý giải như sau. Đối với ROE, mặc dù, trung bình vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ và lợi nhuận sau thuế của các NHTM tăng liên tục qua các năm. Điều này cho thấy, các NHTM ngoài việc hoạt động hiệu quả và muốn duy trì hiệu quả đó liên tục qua các năm bằng việc kiểm soát rủi ro thông qua việc gia tăng vốn chủ để tăng CAR nhằm gia tăng niềm tin của công chúng, trong đó có nhà đầu tư và người gửi tiền. Bên cạnh đó, theo thống kê từ dữ liệu của WiResearch, trong giai đoạn từ 2015 đến 2022, mặc dù lợi nhuận

hàng năm không ngừng tăng trưởng nhưng ngành ngân hàng vẫn là ngành chi trả cổ tức bằng tiền mặt thấp nhất (Le & Nguyen, 2024). Như vậy, trong giai đoạn nghiên cứu, nhìn chung các NHTM chủ yếu phân chia lợi nhuận sau thuế bằng cổ phiếu nhằm tăng vốn chủ và tái đầu tư mở rộng quy mô phát triển. Từ đây, giá trị tử số của CAR tăng lên. Chính vì vậy mà ROE lại có tác động cùng chiều với CAR. Kết quả nghiên cứu này tương thích với Büyüksalvarci và Abdioglu (2011), Le và cộng sự (2021). Đối với CIR, hệ số hồi quy của CIR thể hiện sự tác động ngược chiều với CAR. Điều này cho thấy rằng hệ số này càng giảm thì CAR càng tăng. Nghĩa là các NHTM kiểm soát tốt chi phí hoạt động, tạo ra khả năng sinh lời lớn, kết hợp với việc gia tăng vốn chủ sở hữu bằng lợi nhuận giữ lại từ đó làm tăng giá trị tử số của CAR. Mặt khác có thể thấy, các NHTM kiểm soát tốt các rủi ro trong hoạt động kinh doanh, do đó cũng làm gia tăng tính an toàn trong hoạt động. Kết quả này tương thích với Shehzad và cộng sự (2010) và ngược chiều với Klein và cộng sự (2021).

Tỷ lệ đòn bẩy ở cả hai mô hình đều có tác động âm và có xác suất hậu nghiệm cao. Điều này có nghĩa là khi tỷ lệ đòn bẩy tăng, CAR giảm. Lý giải cho vấn đề này là khi NHTM tăng huy động nợ mà vốn tự có không tăng tương ứng với tài sản có rủi ro, điều này có thể dẫn đến rủi ro cho cổ đông và nguy cơ mất an toàn vốn tăng lên. Bên cạnh đó, dù thanh khoản cải thiện nhờ huy động từ tiền gửi và đi vay nhưng nguy cơ mất khả năng thanh toán cũng tăng theo. Rủi ro cao khiến cổ đông yêu cầu lợi nhuận cao hơn, gây khó khăn cho NHTM trong huy động vốn mới do chi phí vốn cổ phần tăng. Kết quả này phù hợp với lý thuyết kinh tế theo quy mô của Smith (2024) và Marshall (1890) đồng thời kết quả của nghiên cứu này cũng tương thích với Klein và cộng sự (2021), Le và cộng sự (2022).

Khả năng thanh khoản có tác động âm và có xác suất hậu nghiệm cao cả hai mô hình. Điều này cho thấy tỷ lệ tiền và các khoản tương đương tiền cao hơn có thể dẫn đến giảm CAR, phản ánh việc tập trung nhiều vào tính thanh khoản có thể làm giảm mức độ an toàn vốn của NHTM. Lý giải là do các NHTM đảm bảo thanh khoản sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận, từ đó làm cho việc gia tăng vốn chủ sở hữu không tương xứng với sự gia tăng tài sản có rủi ro nên CAR sẽ giảm. Kết quả nghiên cứu này tương thích với Klein và cộng sự (2021), Nguyen (2018), Le và cộng sự (2022).

Tác động tương tác giữa sở hữu nhà nước và cơ cấu vốn có hệ số dương và xác suất hậu nghiệm cao đối với cả hai mô hình. Điều này cho thấy cấu trúc sở hữu nhà nước kết hợp với tỷ lệ đòn bẩy phù hợp có thể làm tăng CAR. Lý giải vấn đề này ở góc độ, các NHTM có vốn chủ sở hữu nhà nước tại Việt Nam do chịu trách nhiệm trong sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước và cần đảm bảo hiệu quả hoàn vốn nên các NH loại này thường duy trì tỷ lệ đòn bẩy cũng như khẩu vị chấp nhận rủi ro thấp hơn so với các NH loại khác. Vì vậy mà khi kết hợp giữa cấu trúc sở hữu nhà nước với tỷ lệ đòn bẩy phù hợp có thể làm tăng CAR. Kết quả này là hợp lý và tương thích với thực trạng vận hành của các NHTM tại Việt Nam.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Thông qua mô hình hồi quy xác suất bằng phương pháp Bayes trên mẫu chọn là 26 NHTM tại Việt Nam trong giai đoạn 2014 đến 2023, kết quả của nghiên cứu cho thấy đối với ngưỡng sở hữu cổ phần do nhà nước nắm giữ từ 5% trở lên có tác động tiêu cực với CAR. Đồng thời, các biên kiểm soát như quy mô ngân hàng, tính chất đòn bẩy tài chính, tính thanh khoản, khả năng sinh lời thông qua hiệu quả quản lý chi phí cũng có tác động tiêu cực đến CAR. Ngược lại, CAR năm trước, tương tác giữa cấu trúc vốn với đòn bẩy và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ lại có tác động tích cực đến CAR. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và các biện giải tương ứng với bối cảnh thực tế, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu khuyến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cân nhắc rà soát ban hành các văn bản hỗ trợ các NHTM có cổ đông sở hữu nhà nước nắm giữ cổ phần với các ngưỡng biểu quyết trọng yếu theo hướng nhanh chóng, kịp thời khi các NHTM này cần tăng vốn chủ sở hữu để đảm bảo CAR theo quy định. Nhất là trong tương lai, theo xu hướng hội nhập quốc tế, các NHTM tại Việt Nam cần đáp ứng các chuẩn quản lý về an toàn vốn nghiêm ngặt hơn, chẳng hạn Basel III. Cụ thể, đối với các NHTM có cổ phần sở hữu nhà nước ở các ngưỡng trọng yếu, cơ quan có thẩm quyền cần trao quyền quyết định việc quản lý và sử dụng vốn chủ theo hướng linh hoạt và toàn quyền quyết định cho người đại diện vốn nhà nước, đi đôi với việc chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn, tránh can thiệp hành chính gây lãng phí nguồn lực mà không mang lại hiệu quả đầu tư vốn nhà nước.

Thứ hai, liên quan đến chiến lược quản lý rủi ro, các NHTM cần duy trì xu hướng giữ cho NHTM ở mỗi năm ổn định, phù hợp với khẩu vị rủi ro của chính NHTM mà đáp ứng được yêu cầu vốn tối thiểu bắt buộc.

Thứ ba, đối với kế hoạch liên quan đến tỷ suất sinh lời, các NHTM cần cân nhắc và hoạch định ngưỡng chấp nhận rủi ro trong hoạt động. Đó chính là cần đưa ra tỷ suất sinh lời cụ thể mang tính cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và khả năng an toàn trong hoạt động.

Thứ tư, trong việc sử dụng đòn bẩy, tăng quy mô tài sản, duy trì các tỷ lệ thanh khoản cần ước lượng một ngưỡng tối ưu, phù hợp với khẩu vị rủi ro đối với NHTM do theo kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các biến số này tác động ngược chiều với CAR. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trong nghiên cứu này phù hợp với các lý thuyết kinh tế đã nêu ra.

Hạn chế của nghiên cứu là chưa thu thập được hết các dữ liệu từ các NHTM đang hoạt động tại Việt Nam, trong đó có NHTM một thành viên Nông nghiệp (Agribank) do việc công bố dữ liệu chưa kịp thời với yêu cầu thực hiện nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. Tính chất này tương tự đối với các NHTM có sở hữu nước ngoài tại Việt Nam. Trong tương lai, cần có những nghiên cứu ước lượng các ngưỡng sở hữu khác do cổ đông có yếu tố nhà nước nắm giữ, đồng thời ước lượng ngưỡng tối ưu cho các biến số kiểm soát khác trong mô hình.

TUYÊN BỐ KHÔNG CÓ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết, tuyên bố không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến việc công bố bài báo này.

Tài liệu tham khảo

- Basel Committee on Banking Supervision (BCBS). (2010). *Principles for enhancing corporate governance*. <https://www.bis.org/publ/bcbs176.pdf>
- Berle, A. A., & Means, G. C. (1932). *The modern corporation and private property*. Harcourt.
- Bishnu, P. B. (2020). Determinants of capital adequacy Ratio Commercial Banks in Nepal. *Asian Journal of Finance & Accounting*, 12(1), Article 194. <https://doi.org/10.5296/ajfa.v12i1.17521>
- Bonin, J. P., Hasan, I., & Wachtel, P. (2005). Bank performance, efficiency and ownership in transition countries. *Journal of Banking and Finance*, 29(1 special issue), 31-53. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2004.06.015>

- Bui, Y. K. (2024). Tác động của đa dạng hóa và cơ cấu sở hữu đến hiệu quả hoạt động ngân hàng Việt Nam [The impact of diversification and ownership structure on the operational performance of Vietnamese banks]. *Tạp Chí Nghiên Cứu Kinh Tế và Kinh Doanh Châu Á*, 36(6), 54-72.
- Hailan, Y., & Stephen, L. M. (2011). Business strategy and corporate governance: Theoretical and empirical perspectives. In C. Rowley (Ed.), *Business strategy and corporate governance in the Chinese consumer electronics sector* (pp. 22-46). Elsevier. <https://doi.org/10.1533/9781780633299>
- Büyüksalvarci, A., & Abdioglu, H. (2011). Determinants of capital adequacy ratio in Turkish Banks: A panel data analysis. *African Journal of Business Management*, 5(27), 11199-11209. [https://doi.org/10.5897/AJBM11.1957WE-SocialScienceCitationIndex\(SSCI\)](https://doi.org/10.5897/AJBM11.1957WE-SocialScienceCitationIndex(SSCI))
- Cekrezi, A. (2013). A literature review of the trade-off theory of capital structure. *Iliria International Review*, 3(1), 125-134.
- Chalermchatvichien, P., Jumreornvong, S., Jiraporn, P., & Singh, M. (2014). The effect of bank ownership concentration on capital adequacy, liquidity, and capital stability. *Journal of Financial Services Research*, 45(2), 219-240. <https://doi.org/10.1007/s10693-013-0160-8>
- Chính Phủ. (2018). *Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* [Decision No. 986/QĐ-TTg of the Prime Minister: Approving the Development Strategy of Vietnam's Banking Industry to 2025, with a vision to 2030]. <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=194426&tagid=6&type=1>
- Chính Phủ. (2024). *Dự thảo Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* [Draft Circular regulating the capital adequacy ratio for commercial banks and foreign bank branches]. <https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpl/du-thao-thong-tu-quy-dinh-ty-le-an-toan-von-doi-voi-ngan-hang-thuong-mai-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai>
- Dupor, B. (2023). *Examining long and variable lags in monetary policy*. <https://www.stlouisfed.org/publications/regional-economist/2023/may/examining-long-variable-lags-monetary-policy>
- Duqi, A., & Al-Tamimi, H. A. H. (2018). The Impact of owner's identity on banks' capital adequacy and liquidity risk. *Emerging Markets Finance and Trade*, 54(2), 468-488. <https://doi.org/10.1080/1540496X.2016.1262255>
- Friedman, M. (1992). *A program for monetary stability*. Ravenio Books.
- Jensen, M. C., & Meckling, W. H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3(4), 305-360.
- Kanga, D., Murinde, V., & Soumaré, I. (2020). Capital, risk and profitability of WAEMU banks: Does bank ownership matter? *Journal of Banking & Finance*, 114(105814). <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2020.105814>
- Klein, P., Maidl, C., & Woyand, C. (2021). Bank ownership and capital buffers: How internal control is affected by external governance. *Journal of Financial Stability*, 54(100857). <https://doi.org/10.1016/j.jfs.2021.100857>

- Kraus, A., & Litzenger, R. H. (1973). A state-preference model of optimal financial leverage. *The Journal of Finance*, 28(4), 911-922.
- La Porta, R., Lopez-de-Silanes, F., & Shleifer, A. (1999). Corporate ownership around the world. *The Journal of Finance*, 54(2), 471-517.
- Larner, R. J. (1966). Ownership and control in the 200 largest nonfinancial corporations, 1929 and 1963. *The American Economic Review*, 56(4), 777-787.
- Le, A. H., & Nguyen, A. T. N. (2024). *Vấn đề chi trả cổ tức của ngân hàng* [The issue of dividend payment by the bank]. <https://thesaigontimes.vn/van-de-chi-tra-co-tuc-cua-ngan-hang/>
- Le, T. T. H., Nguyen, N. T. H., & Phung, D. T. (2021). GMM method assessing factors affecting capital adequacy ratio of commercial banks: A case study in Vietnam. *Review of Economics and Finance*, 19(1), 395-402. <https://doi.org/10.55365/1923.X2021.19.41>
- Le, V. H., Nguyen, A. N. H., Le, T. T. M., & Cao, V. B. (2022). Factors affecting capital adequacy ratio of joint-stock commercial banks in Vietnam. *Journal of International Economics and Management*, 22(1), 42-62. <https://doi.org/10.38203/jiem.022.1.0041>
- Malik, A., Nguyen, T. M., & Shah, H. (2016). Effects of ownership structure on bank performance: evidence from Vietnamese banking sector. *International Journal of Business Performance Management*, 17(2), 184-197.
- Mankiw, N. G. (2022). *Macroeconomics*. <https://books.google.com.vn/books?id=wPw7zgEACAAJ>
- Marshall, A. (1890). *Principles of economics, by Alfred Marshall*. Macmillan and Company.
- Modigliani, F., & Miller, M. H. (1958). The cost of capital, corporation finance and the theory of investment. *The American Economic Review*, 48(3), 261-297.
- Moudud-Ul-Huq, S., Ahmed, K., Chowdhury, M. A. F., M. Sohail, H., Biswas, T., & Abbas, F. (2022). How do banks' capital regulation and risk-taking respond to Covid-19? Empirical insights of ownership structure. *International Journal of Islamic and Middle Eastern Finance and Management*, 15(2), 406-424.
- Nguyen, C. K. (2018). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số an toàn vốn tại các ngân hàng thương mại Việt Nam được ngân hàng nhà nước chỉ định thí điểm thực hiện Basel II [Research on the factors influencing the capital adequacy ratio at commercial banks in Vietnam designated by the State Bank to pilot the implementation of Basel II]. *Journal of Science and Technology - IUH*, 36(6), 120-128. <https://doi.org/10.46242/jstiuh.v36i06.3918>
- Quốc Hội. (2020). *Luật số 59/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp* [Law No. 59/2020/QH14 of the National Assembly: The Law on Enterprise]. <http://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200447>
- Sarkar, J., & Sarkar, S. (2018). Bank ownership, board characteristics and performance: Evidence from commercial banks in India. *International Journal of Financial Studies*, 6(1), Article 17.
- Shehzad, C. T., de Haan, J., & Scholtens, B. (2010). The impact of bank ownership concentration on impaired loans and capital adequacy. *Journal of Banking & Finance*, 34(2), 399-408. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2009.08.007>
- Smith, A. (1776). *The wealth of nations* (Vol. 11937). W. Strahan and T. Cadell.

- Smith, A. (2024). *The wealth of nations-Adam Smith*. Lebooks Editora.
- To, T. T., & Ho, Y. H. (2021). Các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam [The factors affecting the capital adequacy ratio of commercial banks in Vietna]. *Kinh Tế & Phát Triển - Đại Học Kinh Tế Quốc Dân*, 8/2021(290), 34-44.
- Tran, N. T. (2024). Exploring Influencing factors on capital adequacy in commercial banks. *Emerging Science Journal*, 8(2), 527-538.
- Tran, S. H., Le, T. D. Q., & Ho, T. H. (2023). *Tín dụng và chính sách tín dụng bất động sản trong bối cảnh mới* [Credit and real estate credit policies in the new context]. <https://tapchinganhang.gov.vn/tin-dung-va-chinh-sach-tin-dung-bat-dong-san-trong-boi-canhh-moi-10978.html>
- Usman, B., & Lestari, H. S. (2019). Determinants of share prices on manufacturing company: Evidence in Indonesia stock exchange. *International Journal of Advanced Science and Technology*, 29(5), 427-436.
- Yang, H., & Morgan, S. L. (2011). Business strategy and corporate governance: Theoretical and empirical perspectives. In H. Yang & S. L. Morgan (Eds.), *Business strategy and corporate governance in the Chinese consumer electronics sector* (pp. 23-46). Chandos Publishing. <https://doi.org/10.1016/B978-1-84334-656-2.50002-8>
- Zheng, C., Moudud-Ul-Huq, S., Rahman, M. M., & Ashraf, B. N. (2017). Does the ownership structure matter for banks' capital regulation and risk-taking behavior? Empirical evidence from a developing country. *Research in International Business and Finance*, 42(10), 404-421. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2017.07.035>

